TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Bùi Thị Kim Loan

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố C, tỉnh Quảng Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tHnh phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2021/ TLST – HNGĐ ngày 26/4/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Việt H, sinh năm: 1981; ĐKHKTT tại: Tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Ngô Thị H1, sinh năm: 1984; ĐKHKTT tại: Tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Việt H đều trình bày: Anh và chị Ngô Thị H1 về chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi về chung sống với nhau, anh chị có thời gian tìm hiểu 02 năm, sau kết hôn vợ chồng anh về sống tại tổ B, khu B, phường C, thành phố C. Thời gian đầu chung sống với nhau có hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H1 thay đổi tính cách không còn quan tâm đến gia đình như trước, từ đó vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không bàn bạc được với nhau về việc phát triển kinh tế trong gia đình dẫn đến cuộc sống gặp nhiều khó khăn, anh chị thường xuyên cãi nhau, không kìm chế được bản thân còn dẫn đến xô xát. Anh cũng nói chuyện nhiều lần nhưng chị H1 không thay đổi nên anh không còn tình cảm dành cho chị H1. Gia đình hai bên và tổ dân phố biết chuyện đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, đến năm 2012 anh chị quyết định sống ly thân nhau, chị H1 chuyển đi nơi khác

sinh sống còn anh và các con vẫn ở tại nhà cũ. Anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, cũng không tìm biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Thời gian sống ly thân nhau đã lâu, anh không còn tình cảm dành cho chị H1, mâu thuẫn vợ chồng anh chị không thể khắc phục được nữa nên để ổn định cuộc sống, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Ngô Thị H1.

+ Về con chung: Anh và chị Ngô Thị H1 có 02 con chung là Trần Hoài N, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Hà T, sinh ngày xx/xx/xxxx. Từ khi sống ly thân các con chung đã ở cùng với anh, khi ly hôn cả hai con đều có nguyện vọng ở cùng với anh nên để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con, hiện nay anh làm công nhân, thu nhập bình quân 5 triệu đồng/tháng, anh ở cùng với bố mẹ đẻ nên đủ điều kiện nuôi dưỡng các con chung. Chị H1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Thời gian chung sống của vợ chồng anh không nhiều, kinh tế khó khăn nên không mua sắm được tài sản gì chung; Công nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai và tại đơn xin xử án vắng mặt, chị Ngô Thị H1 có quan điểm cụ thể như sau: Chị và anh Trần Việt H kết hôn với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với gia đình nH chồng tại tổ B, khu B, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị diễn ra bình thường cho đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chịu khó lao động để phụ giúp cho vợ con mà chỉ suốt ngày đi chơi cầu lông và tụ tập nhau uống rượu bia, chị có khuyên bảo thì anh H lại đánh đập chị. Bản thân chị do không có việc làm ổn định nên hay đi sớm về khuya, anh H ở nhà không chăm sóc các con giúp chị mà đẩy việc chăm sóc con cho ông bà nội nên bố mẹ chồng đã có những lời nói rất khó nghe với chị, vì chuyện này mà mâu thuẫn của anh chị căng thẳng hơn. Anh H nhiều lần bắt chị nghỉ làm để ở nH trông con, chị không nghe thì bị anh H đánh đập và chửi bới rất dã man, đến bữa chị không kịp về nH ăn cơm thì bị anh H đổ hết cơm đi. Mâu thuẫn của anh chị ngày càng căng thẳng mặc dù đã được gia đình hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không thay đổi. Cho đến nay anh H xin ly hôn, chị cũng không còn tình cảm dành cho anh H nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung đúng như anh H đã khai ở trên, khi ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi dưỡng cả hai con chung, chị không phải cấp dưỡng cho các con chung. Về tài sản và công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố C đề

nghị chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Việt H, anh H được ly hôn với chị H1. Anh H được nuôi dưỡng các con chung, chị H1 không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Việt H yêu cầu xin ly hôn với chị Ngô Thị H1, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân tHnh phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho chị Ngô Thị H1, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh H đã có đơn từ chối phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải; Anh H, chị H1 đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Việt H và chị Ngô Thị H1 là hôn nhân hợp pháp, mặc dù anh chị chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng đến năm 2009 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, tHnh phố C. Từ sau khi về chung sống với nhau, anh chị sống cùng gia đình nH nội ở tổ 77, khu 6B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai đều cho rằng vợ, chồng không có trách nhiệm với gia đình, kinh tế trong nhà gặp nhiều khó khăn nên thường xuyên cãi nhau, không kìm chế được bản thân còn đánh nhau nhiều lần. Mâu thuẫn kéo dài mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả, anh chị quyết định sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Lời khai của anh H cũng phù hợp với lời khai của chị H1 về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và cũng cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú và lời khai của các con chung của anh chị nên anh H, chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị H1.

+ Về con chung: Anh Trần Việt H và chị Ngô Thị H1 có 02 con chung là Trần Hoài Nam, sinh ngày 21/01/2004 và Trần H Thư, sinh ngày 20/12/2008. Từ khi sống ly thân cả hai con chung đã ở với anh H, khi ly hôn anh H có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng con chung, anh H có việc làm và thu nhập ổn định nên không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng cho con chung. Xét đề nghị của anh H cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung của anh chị và phù

hợp với kết quả xác minh lại nơi cư trú của anh chị; Chị H1 cũng có quan điểm tại đơn xin xử án vắng mặt đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng con, chị H1 không phải cấp dưỡng cho con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung là Trần Hoài N và Trần Hà T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp và cũng đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của con chung của anh chị.

Do anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con nên chị H1 không phải cấp dưỡng cho con chung, chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh Trần Việt H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56**,** 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Việt H và chị Ngô Thị H1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Hoài Nam, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trần Hà T, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Trần Việt H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi tHnh niên (đủ 18 tuổi). Chị Ngô Thị H1 không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Việt H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp ngày xx/x/xxx theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tHnh phố C;
- Chi cục THADS tHnh phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh